

## CHARACTERISTICS OF DRUG FORMULARY UTILIZATION AT LE VAN THINH HOSPITAL DURING 2018–2023

Hoang Thy Nhac Vu <sup>1,2,\*</sup>, Le Phuoc Thanh Nhan<sup>1</sup>, Tran Quy Phuong Thuy<sup>1</sup>, Tran Van Khanh<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Le Van Thinh Hospital - 130 Le Van Thinh, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

<sup>2</sup>University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City - 217 Hong Bang, Cho Lon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Received: 28/10/2025

Revised: 12/02/2025; Accepted: 28/04/2026

### ABSTRACT

**Objective:** This study aimed to analyze the characteristics of drug formulary utilization at Le Van Thinh Hospital (LVTH) during the period from 2018 to 2023.

**Methods:** The characteristics of the drug formulary were examined based on active ingredient composition, drug origin, manufacturing country, route of administration, and pharmacological action groups. Data were analyzed by the number of drugs in each characteristic group, both annually and over the total six-year period (2018–2023). The data were compiled, processed, and analyzed using Microsoft Excel.

**Results:** From 2018 to 2023, LVTH utilized 2,746 different pharmaceuticals, covering all 26 drug groups listed for health insurance reimbursement. The annual number of drugs ranged from 1,097 to 1,313. Among the total of 2,746 drug types, single-component drugs accounted for 82.0%, while generic drugs represented 86.5%. Vietnamese-manufactured drugs comprised 52.2%, and oral and injectable drugs made up 68.8% and 22.6%, respectively. The five most common drug groups included cardiovascular drugs (28.4%), antiparasitic and anti-infective drugs (17.1%), hormones and drugs acting on the endocrine system (7.0%), gastrointestinal drugs (6.9%), and drugs affecting blood (6.4%).

**Conclusion:** This study has outlined several key characteristics of the drug formulary utilized at Le Van Thinh Hospital from 2018 to 2023. The findings provide important insights to assist the Hospital's Drug and Therapeutics Committee in evaluating and adjusting LVTH's drug formulary to better align with the actual needs of the hospital and to comply with national drug policy requirements.

**Keywords:** Drug formulary, cardiovascular drugs, Le Van Thinh Hospital, health insurance.

---

\*Corresponding author

Email: hoangthynhacvu@ump.edu.vn Phone: (+84) 913110220 DOI: 10.52163/yhc.v67iCD5.5012

# ĐẶC ĐIỂM DANH MỤC THUỐC SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH GIAI ĐOẠN 2018–2023

Hoàng Thy Nhac Vũ<sup>1,2\*</sup>, Lê Phước Thành Nhân<sup>1</sup>, Trần Quý Phương Thùy<sup>1</sup>, Trần Văn Khanh<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Bệnh viện Lê Văn Thịnh - 130 Lê Văn Thịnh, P. Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
<sup>2</sup>Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh - 217 Hồng Bàng, P. Chợ Lớn, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận bài: 28/10/2025

Ngày chỉnh sửa: 12/02/2025; Ngày duyệt đăng: 28/04/2026

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Nghiên cứu được tiến hành nhằm phân tích đặc điểm danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Lê Văn Thịnh (BVLVT) giai đoạn 2018–2023.

**Phương pháp nghiên cứu:** Đặc điểm danh mục thuốc được mô tả theo thành phần hoạt chất, nguồn gốc thuốc, nước sản xuất, đường dùng, nhóm tác dụng dược lý. Dữ liệu được phân tích dựa vào số thuốc trong từng nhóm đặc điểm theo giai đoạn từng năm và tổng giai đoạn 6 năm (2018–2023). Dữ liệu được tổng hợp, xử lý và phân tích bằng Microsoft Excel.

**Kết quả:** Trong giai đoạn 2018–2023, BVLVT đã sử dụng 2.746 loại thuốc tân dược, với đủ 26 nhóm thuốc thuộc danh mục BHYT chi trả, với số thuốc mỗi năm giao động từ 1.097 đến 1.313 thuốc. Trong tổng 2.746 loại thuốc, thuốc đơn chất chiếm 82,0%; thuốc generic chiếm 86,5%; thuốc Việt Nam chiếm 52,2%; thuốc đường uống và đường tiêm chiếm tỷ lệ lần lượt là 68,8% và 22,6%. Năm nhóm thuốc có số lượng nhiều nhất bao gồm nhóm thuốc tim mạch (28,4%); thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn (17,1%); nhóm hormone, các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết (7,0%); nhóm thuốc đường tiêu hóa (6,9%); nhóm thuốc tác dụng đối với máu (6,4%).

**Kết luận:** Nghiên cứu đã mô tả được một số đặc điểm chính của danh mục thuốc sử dụng tại BVLVT trong giai đoạn 2018–2023. Kết quả thu được từ nghiên cứu là những thông tin quan trọng giúp Hội đồng thuốc và Điều trị của BVLVT có căn cứ đánh giá và điều chỉnh DMT của BVLVT phù hợp với nhu cầu thực tế tại BVLVT và đáp ứng yêu cầu chính sách thuốc quốc gia.

**Từ khóa:** Danh mục thuốc, thuốc tim mạch, Bệnh viện Lê Văn Thịnh, BHYT.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cùng với sự gia tăng dân số toàn cầu và sự phát triển xã hội, nhu cầu sử dụng thuốc của người dân ngày càng lớn, không chỉ yêu cầu đầy đủ về số lượng mà còn yêu cầu thuốc có chất lượng, an toàn, chi phí hợp lý, và đạt hiệu quả kinh tế [1]. Các nghiên cứu gần đây đã ghi nhận có sự thay đổi về xu hướng sử dụng thuốc tại các bệnh viện ở Việt Nam theo từng năm, theo hướng phù hợp với tình hình dịch bệnh và nhu cầu điều trị [2]. Các nhóm thuốc quan trọng như điều trị ký sinh trùng và chống nhiễm khuẩn, tim mạch đang được chú trọng xem xét quản lý và đảm bảo cung ứng, đảm bảo đáp ứng nhu cầu và chất lượng điều trị cho người bệnh [3,4]. Nhiều bệnh viện tại Việt Nam, trong đó có Bệnh viện Lê Văn Thịnh (BVLVT) cũng đã tăng cường sử dụng thuốc generic và thuốc sản xuất trong nước theo định hướng chính sách thuốc quốc gia, vừa giúp giảm chi phí thuốc, vừa góp phần đảm bảo tính bền vững của nguồn cung ứng thuốc trong hệ thống y tế [5,6,7]. Trong bối cảnh hiện nay, để Hội đồng thuốc và Điều trị của bệnh viện có căn cứ đánh giá và điều chỉnh danh mục thuốc (DMT) của bệnh viện phù hợp với nhu cầu thực tế và đáp ứng yêu cầu chính sách thuốc quốc gia, những thông tin

liên quan đến đặc điểm danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện trong một giai đoạn dài là rất quan trọng.

BVLVT hiện nay là bệnh viện cấp chuyên sâu, trực thuộc Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh. Các nghiên cứu đánh giá sử dụng thuốc được lãnh đạo BVLVT quan tâm và chủ trương thực hiện định kỳ [7]. Trong định hướng tiếp tục thực hiện các phân tích tổng quan về tình hình sử dụng thuốc tại BVLVT, nghiên cứu được thực hiện nhằm mô tả đặc điểm DMT được sử dụng tại BVLVT trong giai đoạn 2018–2023.

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang, được thực hiện thông qua việc hồi cứu dữ liệu liên quan đến DMT được sử dụng tại BVLVT trong giai đoạn 2018–2023. Nghiên cứu tiến hành phân tích các đặc điểm DMT theo thành phần hoạt chất (đơn chất, phối hợp), nguồn gốc thuốc (biệt dược gốc, generic), nước sản xuất (Việt Nam, nước ngoài), đường dùng thuốc (uống, tiêm, khác), nhóm tác dụng dược lý (phân loại nhóm thuốc theo Thông tư số 20/2022/TT-BYT).

\*Tác giả liên hệ

Email: hoangthyhacvu@ump.edu.vn Điện thoại: (+84) 913110220 DOI: 10.52163/yhc.v67iCD5.5012

**2.2. Tổng hợp và xử lý dữ liệu**

DMT được mô tả theo số thuốc và tỷ lệ phần trăm (%) trong từng nhóm đặc điểm, phân tích theo giai đoạn từng năm và tổng giai đoạn 6 năm (2018–2023). Dữ liệu được tổng hợp, xử lý, và phân tích bằng Microsoft Excel.

**3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**3.1. Đặc điểm chung DMT giai đoạn 2018–2023**

Trong giai đoạn 2018–2023, có tổng cộng 2.746 loại thuốc thuộc danh mục BHYT được BVLVT sử dụng để điều trị cho người bệnh có BHYT. Trong đó, thuốc đơn chất chiếm 82,0%; thuốc generic chiếm 86,5%; thuốc Việt Nam chiếm 52,2%; thuốc đường uống chiếm 68,8%, và thuốc đường tiêm chiếm 22,6% tổng số lượng thuốc. (Hình 1)



Hình 1. Đặc điểm DMT tại BVLVT giai đoạn 2018–2023

**3.2. Đặc điểm DMT trong từng năm**

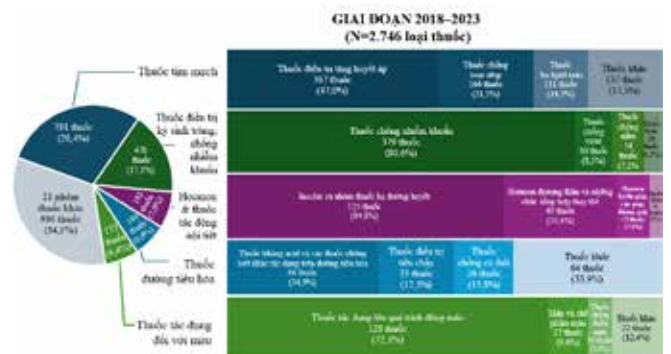
Số lượng thuốc trong DMT thấp nhất vào năm 2021 (1.097 thuốc), và cao nhất vào năm 2018 (1.313 thuốc). Thuốc đơn chất và thuốc generic luôn chiếm tỷ lệ trên 80% trong từng năm. (Bảng 1)

**Bảng 1. Đặc điểm DMT BHYT sử dụng qua từng năm tại BVLVT giai đoạn 2018–2023 theo thành phần hoạt chất, nguồn gốc thuốc, nước sản xuất, đường dùng thuốc**

	Năm 2018 n=1.313 (%)	Năm 2019 n=1.312 (%)	Năm 2020 n=1.240 (%)	Năm 2021 n=1.097 (%)	Năm 2022 n=1.168 (%)	Năm 2023 n=1.154 (%)
<b>THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT</b>						
Đơn chất	1.079 (82,2)	1.082 (82,5)	997 (80,4)	886 (80,8)	938 (80,3)	930 (80,5)
Phối hợp	234 (18,8)	230 (17,5)	243 (19,6)	211 (19,2)	230 (19,7)	224 (19,5)
<b>NGUỒN GỐC THUỐC</b>						
Biệt dược gốc	238 (18,1)	213 (16,3)	178 (14,4)	210 (19,1)	198 (16,9)	197 (17,1)
Generic	1.075 (81,9)	1.099 (83,7)	1.062 (85,6)	887 (80,9)	970 (83,1)	957 (82,9)
<b>NƯỚC SẢN XUẤT</b>						
Việt Nam	659 (50,1)	625 (47,6)	628 (50,6)	526 (47,9)	596 (51,0)	576 (49,9)
Nước ngoài	654 (49,9)	687 (52,4)	612 (49,4)	571 (52,1)	572 (49,0)	578 (50,1)
<b>ĐƯỜNG DÙNG THUỐC</b>						
Uống	926 (70,5)	910 (69,4)	857 (69,1)	735 (67,0)	785 (67,2)	744 (64,5)
Tiêm	278 (21,2)	288 (22,0)	267 (21,5)	259 (23,6)	277 (23,7)	300 (26,0)
Khác	109 (8,3)	114 (8,6)	116 (9,4)	103 (9,4)	106 (9,1)	110 (9,5)

**3.3. Cơ cấu DMT theo nhóm tác dụng dược lý**

Trong 2.746 loại thuốc được sử dụng giai đoạn 2018–2023, nhóm thuốc tim mạch chiếm 28,4% (với thuốc điều trị tăng huyết áp chiếm 47,0% trong 781 thuốc nhóm tim mạch). Tiếp theo là nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng và chống nhiễm khuẩn (17,1%) với phân nhóm thuốc chống nhiễm khuẩn chiếm 80,6% trong tổng 470 thuốc của nhóm. Đứng thứ ba là nhóm hormon và thuốc tác động nội tiết, với 193 thuốc, chiếm 7,0% số thuốc trong danh mục, tập trung vào insulin và thuốc hạ đường huyết (64,8%). (Hình 2)



Hình 2. Đặc điểm DMT BHYT tại BVLVT giai đoạn 2018–2023 theo nhóm tác dụng dược lý

### 3.4. Đặc điểm chi tiết DMT trong từng nhóm tác dụng dược lý

Trong 26 nhóm thuốc tân dược được sử dụng tại BVLVT giai đoạn 2018–2023, nhóm thuốc tim mạch và nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn luôn chiếm tỷ lệ cao trong từng nhóm đặc điểm chi tiết. (Bảng 2)

**Bảng 2. Mô tả số lượng thuốc của các nhóm tác dụng dược lý theo thành phần hoạt chất, nguồn gốc thuốc, nước sản xuất và đường dùng thuốc tại BVLVT giai đoạn 2018–2023**

Nhóm thuốc	Thành phần hoạt chất		Nguồn gốc thuốc		Nước sản xuất		Đường dùng thuốc			TỔNG
	Đơn chất	Phối hợp	Biệt dược gốc	Generic	Việt Nam	Nước ngoài	Uống	Tiêm	Khác	
	n=2.252 (%)	n=494 (%)	n=370 (%)	n=2.376 (%)	n=1.434 (%)	n=1.312 (%)	n=1.889 (%)	n=620 (%)	n=237 (%)	
Thuốc tim mạch	625 (27,7)	156 (31,6)	114 (30,8)	667 (28,1)	421 (29,3)	360 (27,4)	596 (31,6)	140 (22,6)	45 (19,0)	781 (28,4)
Thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn	388 (17,2)	82 (16,6)	51 (13,8)	419 (17,6)	264 (18,4)	206 (15,7)	280 (14,8)	145 (23,4)	45 (19,0)	470 (17,1)
Hormon và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết	153 (6,7)	40 (8,1)	29 (7,8)	164 (6,9)	99 (6,9)	94 (7,2)	144 (7,6)	39 (6,3)	10 (4,2)	193 (7,0)
Thuốc đường tiêu hóa	154 (6,8)	35 (7,1)	25 (6,7)	164 (6,9)	96 (6,7)	93 (7,1)	143 (7,6)	36 (5,8)	10 (4,2)	189 (6,9)
Thuốc tác dụng đối với máu	158 (7,0)	19 (3,8)	28 (7,6)	149 (6,2)	82 (5,7)	95 (7,2)	122 (6,5)	46 (7,4)	9 (3,8)	177 (6,4)
21 nhóm thuốc khác	774 (34,4)	162 (32,8)	123 (33,2)	813 (34,2)	472 (32,9)	464 (35,4)	604 (31,9)	214 (34,5)	118 (49,8)	936 (34,1)

## 4. BÀN LUẬN

Nghiên cứu đã phân tích được một số đặc điểm chính của danh mục thuốc tại BVLVT trong giai đoạn 2018–2023 theo thành phần hoạt chất, nguồn gốc thuốc, nước sản xuất, đường dùng thuốc, và nhóm tác dụng dược lý. Kết quả ghi nhận, trong giai đoạn này BVLVT đã sử dụng tổng cộng 2.746 loại thuốc, với số lượng thuốc tương đối ổn định giữa các năm. Trong tổng số thuốc 2.746 trong DMT, 82,0% là thuốc đơn chất; 86,5% là thuốc generic; và 52,2% có nguồn gốc sản xuất trong nước. Những kết quả này tương đồng với với một số nghiên cứu tại các bệnh viện đa khoa khác trong cùng giai đoạn nghiên cứu [3,5]. Thuốc generic và thuốc sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ cao cho thấy chính sách dược bệnh viện nhằm hướng đến tối ưu hóa chi phí điều trị, nâng cao khả năng tiếp cận thuốc và đảm bảo nguồn cung ổn định trong hệ thống y tế.

Khi xem xét số lượng thuốc theo từng năm từ 2018 đến 2023, nghiên cứu ghi nhận có sự giảm về tổng số lượng thuốc từ 1.313 thuốc (năm 2018) còn 1.154 thuốc vào năm 2023. Đây là kết quả của quá trình phân tích và tối ưu hóa DMT tại BVLVT, theo hướng tái cấu trúc lại DMT theo hướng tinh gọn nhưng vẫn đáp ứng đầy đủ nhu cầu điều trị của bệnh viện. Từ các kết quả phân tích sử dụng thuốc, BVLVT đã thực hiện việc rà soát, loại bỏ các thuốc trùng lặp hoặc ít sử dụng, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả điều trị, giảm lãng phí, và quản lý tốt nguồn lực.

Xét về thành phần hoạt chất, thuốc đơn chất chiếm tỷ lệ trên 80% trong suốt giai đoạn (từ 80,3% đến 82,5%). Đây là xu hướng phù hợp với thực hành điều trị an toàn và dễ kiểm soát lâm sàng, đặc biệt trong môi trường điều trị đa khoa. Tuy nhiên, tỷ lệ thuốc phối hợp cũng ghi nhận sự gia tăng theo thời gian, nhưng không vượt quá 20% tổng số lượng thuốc có trong danh mục. Kết quả này có thể liên quan đến đặc điểm người bệnh đồng mắc các bệnh mạn tính như tăng huyết áp, đái tháo đường, rối loạn lipid máu, phải dùng nhiều loại thuốc cùng lúc, do đó sử dụng thuốc phối hợp sẽ giúp giảm số lượng viên thuốc, tăng mức độ tuân thủ điều trị, giảm nguy cơ quên liều và nâng

cao hiệu quả điều trị tổng thể. Đây là chiến lược điều trị được khuyến cáo trong các hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế và các tổ chức y khoa quốc tế, đặc biệt là điều trị tăng huyết áp.

Về nguồn gốc sản xuất, tỷ lệ thuốc trong nước và thuốc nhập khẩu được duy trì ở mức cân bằng trong suốt giai đoạn. Thuốc sản xuất trong nước với tỷ lệ từ 47,6% đến 51,0%, trong khi thuốc nhập khẩu chiếm từ 49,0% đến 52,4%. Điều này phản ánh nỗ lực của BVLVT trong việc thực hiện chính sách ưu tiên sử dụng thuốc sản xuất trong nước, đồng thời vẫn đảm bảo việc tiếp cận thuốc đa dạng thông qua lựa chọn các thuốc nhập khẩu thiết yếu. Việc phân bổ này phù hợp với định hướng của Chính phủ về phát triển ngành công nghiệp Dược nội địa theo Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045, được ban hành theo Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09/10/2023. Đây cũng là minh chứng cho việc kết hợp hài hòa giữa chính sách y tế và nhu cầu điều trị thực tiễn trong chính sách sử dụng thuốc của BVLVT.

Trong giai đoạn 2018–2023, đường dùng phổ biến nhất trong danh mục thuốc tại BVLVT là đường uống, chiếm 68,8% (tương ứng với 1.889 thuốc), cao hơn gấp ba lần so với đường tiêm, chiếm 22,6% (620 thuốc). Kết quả này phản ánh xu hướng ưu tiên sử dụng thuốc đường uống trong điều trị, phù hợp với đặc điểm thực hành lâm sàng tại bệnh viện đa khoa, góp phần đảm bảo tính tiện lợi, an toàn, và hiệu quả trong điều trị.

Kết quả phân tích ghi nhận trong giai đoạn nghiên cứu, năm nhóm thuốc được sử dụng nhiều và chiếm tỷ lệ lớn trong DMT của BVLVT (nhóm thuốc tim mạch; thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn; hormon, các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết; thuốc đường tiêu hóa; thuốc tác dụng đối với máu). Đây cũng là những nhóm thuốc có tỷ trọng lớn về số lượng tại các bệnh viện đa khoa hoặc bệnh viện cùng tuyến khác [2,4,5]. Đây cũng là những nhóm có tỷ lệ thuốc generic, được sản xuất tại Việt

Nam chiếm tỷ lệ cao, cho thấy khả năng tự chủ của ngành dược nội địa trong cung ứng thuốc điều trị các bệnh lý mạn tính thường gặp.

Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở quan trọng để đánh giá thực trạng quản lý cung ứng thuốc tại bệnh viện, hỗ trợ công tác đánh giá và cải tiến danh mục thuốc trong những năm tiếp theo. Những nghiên cứu tiếp theo thực hiện so sánh và phân tích các yếu tố liên quan đến sự thay đổi danh mục thuốc theo thời gian tại BVLVT sẽ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng thuốc trong tương lai, giúp BVLVT cập nhật xu hướng sử dụng thuốc, đảm bảo tính phù hợp với thực tiễn lâm sàng và chính sách quản lý dược bệnh viện.

## 5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã cung cấp tổng quan về đặc điểm DMT sử dụng tại BVLVT trong giai đoạn 2018–2023, góp phần đánh giá xu hướng và hiệu quả quản lý danh mục thuốc. Các kết quả thu được là cơ sở khoa học quan trọng giúp bệnh viện duy trì và điều chỉnh cơ cấu danh mục thuốc một cách hợp lý, đáp ứng nhu cầu điều trị thực tế, đảm bảo sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả.

## 6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Y tế (2013), Thông tư số 21/2013/TT-BYT Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thuốc và Điều trị trong bệnh viện.
- [2] Nguyễn Tuấn Quang, Nguyễn Cẩm Vân, Nguyễn Minh Thông, Đàm Thị Lâm (2021). Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh năm 2021. Tạp chí Y Dược học Quân sự. 01/18 2023;47(9):13-25.
- [3] Nguyễn Thị Song Hà, Hà Văn Thúy (2020). Phân tích danh mục thuốc đã sử dụng tại Bệnh viện Đại học y Thái Bình năm 2020. Tạp chí Y học Việt Nam. 06/20 2022;514(1).
- [4] Lã Thị Quỳnh Liên, Nguyễn Mai Anh (2022). Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình giai đoạn 2018-2019. Tạp chí Y học Việt Nam. 06/21 2022;514(2).
- [5] Nguyễn Cẩm Vân, Cao Thị Bích Ngọc, Nguyễn Trung Hà (2021). Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 năm 2020. Tạp chí Y Dược Lâm sàng 108. 01/2021 2021;16(DB11):81-91.
- [6] Huỳnh Như, Cù Thanh Tuyền, Hoàng Thy Nhạc Vũ (2017), Đặc điểm danh mục thuốc tân dược được sử dụng tại Bệnh viện Phú Nhuận giai đoạn 2012-2017. Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh, 21(5), tr.135-141.
- [7] Lê Phước Thành Nhân, Nguyễn Thị Nguyên Hạt, Mai Ngọc Quỳnh Anh, Trần Văn Khanh (2025). Phân tích chi phí sử dụng thuốc tại Bệnh viện Lê Văn Thịnh giai đoạn 2018-2023. Tạp chí Y học Việt Nam. 2025.547(2):129-133.